TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2020/DS-PT
Ngày 25 – 5 – 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Liêu Tuấn K, sinh năm 1926;
Cư trú: Khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh C. (Vắng mặt).
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông K: Bà Liêu Thị H, sinh năm 1953; Cư trú: Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh C. (Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Ông Nguyễn Thành Sang, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Luật Sống, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).
- *Bị đơn*:
1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1956 (Vắng mặt).
2. Ông Trà Văn S, sinh năm 1956 (Vắng mặt).
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông S, bà T: Anh Trà Hoàng P, sinh năm 1979 (Có mặt).
Cùng cư trú:: Ấp C, xã Đ, thành phố C tỉnh C..
Anh P uỷ quyền lại cho ông Lê Minh Ch, sinh năm 1965; Cư trú: khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh C. (Ông Châu vắng mặt trong ngày 25/5/2020)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ủy ban nhân dân thành phố Cà M (Vắng mặt)

Cư trú: Khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

2. Anh Trà Hoàng P, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố C tỉnh C..

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh P: Ông Lê Minh Ch, sinh năm 1965; Cư trú: khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh C. (ông Châu vắng mặt trong ngày 25/5/2020)

- *Người kháng cáo*: Ông Liêu Tuấn K, là nguyên đơn; Anh Trà Hoàng P, là người đại diện hợp pháp là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Liêu Thị H trình bày:

Ông Liêu Tuấn K có phần đất hương quả diện tích 7.110m^2, tọa lạc tại ấp Cái Rô, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1996, thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 06. Trước đây, do ông Trà Văn S không có chỗ ở, nên ông K cho mượn đất cất nhà tạm ngang 5 mét, dài 16m; phần còn lại ông K sử dụng mục đích lập vườn, chôn cất ông, bà. Đến năm 2000, 2003 và 2011, ông K có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Định Bình giải quyết buộc ông S trả lại đất, nhưng ông S cho rằng phần đất này ông đã được cấp quyền sử dụng đất (diện tích 5.490m^2) nên không đồng ý trả. Nay ông K yêu cầu ông S, bà T phải di dời nhà cửa, công trình trên đất để trả lại cho gia đình ông K phần đất có chiều ngang 05m, dài 16m, diện tích 80m^2. Qua đo đạc thực tế, ông K có thay đổi yêu cầu buộc ông S và bà T trả diện tích đất theo đo đạc 154m^2.

- Anh Trà Hoàng P trình bày:

Vào năm 1961, bà cố anh là cụ Ngô Thị Tỵ (bà nội của ông S) có khai phá phần đất hoang, trên phần đất có 06 ngôi mộ; đến năm 1983 bà cố anh cho cha anh là ông Trà Văn S và mẹ là bà Bùi Thị T. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1996, chiều ngang 56m, chiều dài 100m; thực tế căn nhà trên đất có chiều ngang 5m, dài 19m, loại nhà tiền chế mới xây xong ngày 02/7/2018. Từ khi có tranh chấp, anh được biết phần đất của cha anh được cấp sai vị trí thửa đất, còn phần đất của gia đình anh thì Ủy ban thị xã Cà Mau cấp cho ông K.

Đối với yêu cầu của ông K, anh không đồng ý. Nhưng anh thống nhất giao lại cho ông K phần đất làm đường đi vào khu mộ, vị trí đo qua 4m ngang cặp ranh đất của ông K, chạy dài đến khu mộ, diện tích còn lại giữ nguyên cho gia đình anh quản lý sử dụng.

- Tại Công văn số 388/UBND-NC ngày 22/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M xác định:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trà Văn S thửa số 158, diện tích 5.490m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Liêu Tuấn K thửa số 158, diện tích 7.110m^2 là đúng vị trí, trình tự, tại thời điểm cấp. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, vị trí thửa đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K và vị trí thửa đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S không

trùng nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Tuấn K. Buộc ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T, anh Trà Hoàng P tháo dỡ toàn bộ căn nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại cho ông Liêu Tuấn K diện tích đất 154m^2 theo đo đạc là 122,5m^2 và 31,5m^2 theo biên bản thẩm định, phần đất tọa lạc tại ấp Cái Rô, xã Định Bình, thành phố Cà Mau được Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1996, thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 06. Phần đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Trần Văn Lợi; Tây giáp đường lộ xi măng; Nam giáp đất ông Phan Hồng Quân; Bắc giáp đất ông Liêu Quang Phối.

Buộc ông Liêu Tuấn K giao số tiền 77.722.000 đồng cho ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T *(tiền công sức giữ gìn, bồi đắp)*.

Ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Liêu Tuấn K số tiền chi phí thẩm định tại chổ và định giá là 14.280.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2019, anh Trà Hoàng P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 20/11/2019, ông Liêu Tuấn K có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý bồi hoàn công sức bồi đắp cho gia đình ông S, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Châu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh P; bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông K.

Phần tranh luận tại phiên toà:

- Luật sư Sang phát biểu: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông K, bà Nem và cha ông S cũng thừa nhận đất của ông K; quyền sử dụng đất cấp cho ông K. Khi phát sinh tranh chấp, quá trình giải quyết từ năm 2000 đến 2017 ông S cũng thừa nhận đất của ông K. Án sơ thẩm buộc ông S, bà T, anh P tháo dỡ căn nhà trên đất để trả lại phần đất tranh chấp là có căn cứ.

Đối với phần công sức bồi đắp, gìn giữ: Phần đất nêu trên ông K cho ông S ở nhờ, không thu tiền thuê đất thì không lý do gì ông K phải trả tiền công sức bồi đắp, gìn giữ cho ông S. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông K phải trả tiền công sức bồi đắp, gìn giữ cho ông S.

- Bà H thống nhất với ý kiến phát biểu tranh luận của Luật sư Sang, không có ý kiến bổ sung.

- Ông Châu phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thâm có sai sót: Bỏ sót những người có liên quan trong vụ án đó là những người con còn lại của ông S và bà T; cấp sơ thẩm buộc di dời nhà trả đất nhưng không xem xét quyền lợi những người có liên quan. Nguyên đơn xác định bà Tỵ ở trên đất từ năm 1962, bị đơn xác định bà Tỵ ở từ năm 1961, tính đến thời điểm tranh chấp (năm 2000) thời gian

khoảng 39 năm, có đến 03 đời ở trên đất. Bị đơn không thừa nhận mượn đất của nguyên đơn mặc dù thừa nhận ngồn gốc đất của nguyên đơn. Ông S đăng ký cấp quyền sử dụng ngay phần đất đang ở nhưng khi cấp quyền sử dung có sai sót cấp phần đất khác, việc này do lỗi của cơ quan Nhà nước, do ông S không hiểu biết nên không khiếu nại. Khi cơ quan Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho nguyên đơn không điều tra xác minh làm rõ vì đất ông S đang sử dụng. Nguyên đơn kiện đòi diện tích đất 154m^2 nhưng án sơ thẩm đương nhiên công nhận toàn bộ diện tích đất là của nguyên đơn, cấp sơ thẩm chưa thẩm định toàn bộ tài sản trên đất nhưng buộc bị đơn trả đất là không căn cứ. Từ những sai sót trên, kiến nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh Trà Hoàng P và kháng cáo của ông Liêu Tuấn K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[1.1] Nguyên đơn xác định, nguồn gốc phần đất nguyên đơn được ông, bà của ông Liêu Tuấn K khai phá, đến năm 1996, ông K được Ủy ban thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận vào ngày 20 tháng 8 năm 1996, diện tích 7.110m^2, tại ấp Cái Rô, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, trong đó đất thổ cư 300m^2, lập vườn 6.810m^2 thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 06. Năm 1962 ông K không ở trên phần đất này mà giao cho cụ Ngô Thị Tỵ quản lý cùng với bà Lê Thị Nem, đến khoảng năm 1990 bà Tỵ giao phần đất lại cho ông Trà Văn S quản lý sử dụng đến nay.

[1.2] Bị đơn xác định, nguồn gốc phần đất do cụ Ngô Thị Tỵ khai phá năm 1961, đến năm 1983 cụ Tỵ giao phần đất này cho ông Trà Văn S quản lý đến nay, ông S được Ủy ban thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận vào ngày 20 tháng 8 năm 1996, diện tích 5.490m^2, ấp Cái Rô, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, thổ cư 300m^2, lập vườn 5.190m^2 tại thửa số 158, tờ bản đồ số 06.

[2] Theo trích lục bản đồ địa chính (hồ sơ đo đạc năm 1995) thể hiện thửa đất số 159 cấp cho ông K, thửa số 158 cấp cho ông S, nên phần đất ông K và phần đất ông S đứng tên quyền sử dụng không trùng vị trí. Vị trí phần đất tranh chấp trùng với thửa 159 cấp cho ông K, không trùng với thửa 158 cấp cho ông S.

[3] Khi hai bên phát sinh tranh chấp, phía ông S có yêu cầu chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau giải quyết tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp, từ năm 2000 đến năm 2017 phía ông S cũng thừa nhận phần đất là của ông K và đồng ý trả đất cho ông K; đến năm 2018 ông K mới thay đổi ý kiến, không đồng ý trả đất. Qua các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thể hiện:

[3.1] Khi được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình ngày 08/12/2000 ông S có trình bày (BL 217): Khi về ở trên đất nuôi bà nội cũng không biết đất nay là của ông chú (ông K) và cứ ở cho đến nay, ông K đến kêu ông S sang lại 1m ngang là 5 chỉ, do đó ông S không có điều kiện sang lại; ông S thừa nhận sai sót về việc làm bằng khoán khi chưa được cho phép của chủ đất; ý kiến của cha ông S trình bày: Ông biết phần đất trên là của ông cậu (tức là phía ông K).

[3.2] Đến ngày 31/7/2003 Ủy ban nhân dân xã Định Bình tiếp tục hòa giải tranh chấp hai bên thì ông S cũng trình bày (BL 215): Thời gian trước khi đưa ra hòa giải năm 2001, ông S có đến gặp ông K đôi ba lần để bàn bạc xin chuyển nhượng phần đất nói trên, nhưng phía ông K bán với giá 05 chỉ vàng 24Kara/1mét chiều ngang mặt tiền. Vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên ông S không còn đặt ra vấn đề mua bán với ông K cho đến nay và ông yêu cầu xin ½ diện tích. Ý kiến của bà H, ông Hồng, ông Dũng, thống nhất thỏa thuận cho đất thổ cư và vườn có chiều ngang 07 mét chạy dài đến hết hậu, thỏa thuận đến năm 2004 phải di dời nơi ở mới. Các khoản tiền như đổ đất, tiền xáng cạp ông S chịu, tiền làm lộ phía bà H phải trả lại cho ông S theo giá ban đầu, tiền lãi ngân hàng, phần 07m của ông S được trừ lại. Sau đó, các bên không thống nhất thỏa thuận về phần đất tranh chấp nên yêu cầu đến chính quyết địa phương lập biên bản vào ngày 24/11/2011.

[3.3] Ngoài ra biên bản hòa giải ngày 29/4/2017 (BL 43) cũng thể hiện: Năm 2003 đã giải quyết thỏa thuận cho bà T, ông S 07m ngang, nhưng bà T không cất nhà trên phần đất đã cho mà cất lại vị trí củ nên bà H yêu cầu giải quyết; bà T xin thêm 3m, bà H không đồng ý. Tại cuộc hòa giải chính quyền địa phương động viên bà H hỗ trợ cho bà H một số tiền để đắp nền, bà H đồng ý hỗ trợ 03 triệu, bà T đồng ý nhận.

[3.4] Đến 03/5/2018 hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình (BL46) ông S trình bày: Đất này ông K bỏ năm 1960, bà nội ông về ở; từ năm 1980 bà nội ông già yếu ông về chăm sóc và canh tác đến nay; ông S không thống nhất trả lại đất, ông S cho rằng đã được cấp giấy chứng nhận.

[4] Mặt khác theo tờ trình của bà Lê Thị Nem ngày 25/9/2015, bà Nem trình (BL 223): Bà và mẹ bà là cụ Ngô Thị Tỵ mượn đất vườn cậu út Nho (tức ông K) để ở năm 1962; tại biên bản thẩm định ngày 20/9/2019 (BL 272) bà Nem trình bày: Khoảng năm 1961, ông K kêu bà Tỵ cho mượn phần đất để ở, sau đó ông K không ở, bà Nem ở quản lý phần đất đang tranh chấp, sau đó bà Tỵ kêu ông S về ở.

[5] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh P cũng thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông K, khi bà Tỵ vào ở thì trên đất dã có mộ người thân của ông K. Hiện tại trên đất có 06 ngôi mộ người thân của ông K, trong đó có nhưng mộ được chôn cất sau khi bà Tỵ đã vào ở trên đất; hàng năm phía ông K vẫn tới lui chăm sóc các ngôi mộ. Khi bà Tỵ chết cũng không chôn cất trên phần đất này.

[6] Từ những cơ sở đã phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định phần đất mà bị đơn đang quản lý sử dụng là đất có nguồn gốc của gia đình ông Liêu Tuấn K, trước đây cho bà Tỵ mượn ở. Tại biên bản về việc ngừng thi công xây dựng công trình trên phần đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã Định Bình lập ngày 22/5/2018 ý

kiến ông S trình bày: Nếu sau này Tòa giải quyết phần đất thuộc quyền sở hữu của ông K thì gia đình ông tự tháo dỡ phần xây dựng và không yêu cầu bồi hoàn. Hơn nữa, xét hiện nay gia đình ông S vẫn còn phần đất khác, vẫn đảm bảo được về chổ ở; xét về phạm vi khởi kiện, ông K chỉ khởi kiện đòi ông S trả lại diện tích đất tranh chấp tại vị trí gia đình ông S đang cất nhà ở diện tích 154m2; do đó, cần buộc ông S, bà T và anh P tháo dỡ nhà và các công trình kiến trúc trên đất trả lại đất cho ông K là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định ranh giới của phần đất tranh chấp Đông giáp Trần Văn Lợi, Tây giáp đường lộ xi măng, Nam giáp Phan Hồng Quân, Tây giáp Liệu Quang Phối, là chưa đúng với hiện trạng đó đạc thực tế, nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại về ranh giới tứ cận của phần đất tranh chấp, cụ thể tứ cận Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa số 1 bản trích đo hiện trạng ngày 17/8/2018 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

[7] Về phần công sức bồi đắp: Như đã phân tích trên, phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình ông K cho bà Tỵ mượn ở, sau đó ông S về ở nuôi bà Tỵ và quản lý sử dụng đất cho đến nay nên án sơ thẩm buộc ông K trả tiền công bồi đắp, gìn giữ là không phù hợp. Hơn nữa, ông K chỉ kiện ông S và bà T đòi diện tích đất 154m^2, theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Eximvas giá đất 128.300 đồng/m2, tổng giá trị bằng 19.758.200 đồng, nhưng án sơ thẩm buộc ông K trả tiền công sức bồi đắp cho ông S, bà T bằng 77.722.000 đồng, tương đương gấp 3,9 lần giá trị của diện tích đất mà ông K đòi ông S và bà T trả lại là càng không phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông K không đồng ý trả tiền công bồi đắp, gìn giữ là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, bà H là người đại diện theo uỷ quyền của ông K đồng ý tự nguyện hổ trợ cho ông S, bà Thuỷ và anh P số tiền bằng 50.000.000 đồng, anh P đồng ý nhận, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự.

[9] Ông K chỉ khởi kiện ông S và bà T yêu cầu tháo dỡ nhà, công trình trên đất để trả lại diện tích đất 154m^2; theo biên bản thẩm định ngày 31/7/2018 thể hiện hiện căn nhà chỉ có bà T và anh P đang ở; trên phần đất tranh chấp chỉ có căn nhà, không thể hiện có cây trồng gì khác (tại phiên tòa sơ thẩm anh P cũng thừa nhận). Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có tiến hành thẩm định giá đất và giá trị căn nhà trên đất. Việc cấp sơ thẩm chỉ đưa ông S, bà T, anh P tham gia tố tụng và không định giá đối với tài sản là cây trồng trên đất là không vi phạm tố tụng. Do đó, kháng cáo của anh P cũng như đề nghị của đại diện bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh P, chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm miễn cho ông S và bà Thuỷ; ông K không phải chịu án phí.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trà Thanh P; chấp nhận kháng cáo của ông Liêu Tuấn K.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 180/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Tuấn K.

Buộc ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T, anh Trà Hoàng P tháo dỡ toàn bộ căn nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại cho ông Liêu Tuấn K phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 154m^2, đất tọa lạc tại ấp Cái Rô, xã Định Bình, thành phố Cà Mau được Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/8/1996, thuộc thửa số 159, tờ bản đồ số 06 do ông Liêu Tuấn K đứng tên. Phần đất có tứ cận Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa số 1 bản trích đo hiện trạng ngày 17/8/2018 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ ngày 17/8/2018 của Trung Tâm Kỹ thuật – Công nghệ – Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và theo biên bản xem xét thẩm định ngày 20/9/2019)

- Ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Liêu Tuấn K số tiền chi phí thẩm định tại chổ và định giá 14.280.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Liêu Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của ông K đồng ý hỗ trợ cho ông S, bà Thuỷ và anh P số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S và bà T được miễn chịu án phí.

Ông K không phải chịu án phí. Ngày 11/5/2018 ông K đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000790 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:Ông Trà Văn S, bà Bùi Thị T được miễn chịu án phí. Ông Liêu Tuấn K không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Phương Loan - Phạm Việt Trung **Nguyễn Thành Lập**

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ;*
- *Chi cục THADS thành phố Cà Mau ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập